

Bản án số: 59/2019/DS-PT
Ngày: 06-8-2019
V/v Tranh chấp đất đai, tranh
chấp về thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Hương.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa và Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp đất đai, tranh chấp về thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 25 B ấp 1, xã T1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc H1, sinh năm 1941. (Bà H1 ủy quyền cho bà L theo Văn bản ủy quyền lập ngày 25/7/2019).

Địa chỉ: Số 14/4/78 khu I, ấp B1, xã B2, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc T2, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1955.

Địa chỉ: thôn V2, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Huỳnh Thái B, sinh năm 1976.
- Ông Huỳnh Thái H2, sinh năm 1980.
- Bà Huỳnh Thị Ngọc T3, sinh năm 1990.
- Bà Thái Ngọc Đ, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: 173 khu phố 2, phường D1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Lâm Thị C, sinh năm 1958.
- Bà Huỳnh Thị Ngọc V3, sinh năm 1979.
- Bà Huỳnh Thị Ngọc T4, sinh năm 1983.
- Bà Huỳnh Thị Ngọc T5, sinh năm 1991.
- Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1963.
- Ông Huỳnh Tiến L2, sinh năm 1983.
- Bà Huỳnh Thị Ngọc H2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà L, bà T2, bà M, ông H, bà Đ1, bà C, bà V3, bà T4, bà T5, bà H2, ông L2; vắng mặt bà H1, bà Đ, bà T3, ông H2, ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L trình bày:

Từ trước năm 1975 cha mẹ bà là ông Huỳnh Ngọc B3 và bà Nguyễn Thị V4 có mua lại căn nhà trên diện tích đất 66,1m² tại thôn 3, xã P, huyện T để ở cho đến khi qua đời. Hiện nay giấy tờ mua nhà đất do ông Huỳnh Trung H nắm giữ. Ông B3 và bà V4 có 7 người con gồm bà, bà Huỳnh Thị Ngọc H1, bà Huỳnh Thị Ngọc M, bà Huỳnh Thị Ngọc T2, ông Huỳnh Định S1, Huỳnh Tấn H3 và ông Huỳnh Tiến L1. Bà V4 chết năm 1981, ông B3 chết năm 1989 đều không để lại di chúc, ông Huỳnh Tấn H3 vì ở với cha, mẹ bà khi còn sống đã kế thừa quản lý, sử dụng căn nhà này làm nhà thờ ông bà tổ tiên.

Suốt thời gian quản lý, sử dụng ông H3 không kê khai làm giấy tờ nhà đất. Năm 1991, ông H3 chết cũng không để lại di chúc, con trai lớn của ông H3 là ông H tiếp tục quản lý, sử dụng và thờ cúng ông bà tổ tiên. Khi ông H lấy vợ là Ngô Thị M2 vào năm 2008, vợ chồng ông H, bà M2 đã kê khai nhà đất và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AL 982281 ngày 27/10/2008 cho ông H và bà M2. Khi ông H và bà M2 ly hôn, bà M2 tranh chấp đòi chia căn nhà thì chị em bà mới ủy quyền lại cho Huỳnh Thị Ngọc T2 đi khiếu nại, kết quả là Ủy ban nhân dân

huyện T đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H và bà M2 tại quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 14/7/2011. Hiện nay, ông H đã đập phá ra rồi xây dựng lại căn nhà khác để ở. Nay bà yêu cầu xác nhận thửa đất có diện tích 66,1m² tại địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận do ông H đang sử dụng là di sản của cha mẹ bà và yêu cầu chia cho bà kỹ phần bà được hưởng.

Bị đơn ông Huỳnh Trung H trình bày:

Nguồn gốc căn nhà bà Huỳnh Thị Ngọc L tranh chấp hiện nay ông đang quản lý, sử dụng có từ trước giải phóng là tài sản của bà Nguyễn Thị N (cô của ông nội ông) mua để làm thờ, trước đây bà N cũng đã từng mua nhà cho ông nội ông ở làm nhà thờ, nhưng ông nội ông đã bán nhà tiêu xài, lần này vì sợ ông nội ông bán nữa nên ngày 08/8/1982 bà N lập tờ di chúc giao nhà đất cho cha ông quản lý, sử dụng làm nhà thờ họ Huỳnh và lúc này cha, mẹ ông ở với ông, bà nội ông. Khi ông, bà nội ông qua đời, không để lại di chúc cho ai, cha ông tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà này làm nhà thờ. Suốt thời gian quản lý sử dụng cha không kê khai làm giấy tờ nhà đất vì đây là nhà thờ chung. Năm 1991, cha ông chết cũng không để lại di chúc, ông là con trai lớn nên tiếp tục quản lý, sử dụng và thờ cúng ông bà tổ tiên. Vào năm 2008, ông lấy vợ là Ngô Thị M2, vợ chồng ông đã gian dối kê khai nhà đất và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số AL 982281 ngày 27/10/2008 cho ông và bà M2. Khi ông và bà M2 ly hôn, bà M2 tranh chấp đòi chia căn nhà, thì các cô của ông mới ủy quyền lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc T2 đi khiếu nại, kết quả là Ủy ban nhân dân huyện T đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông và bà M2 tại quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của UBND huyện T. Tháng 3/2017, do căn nhà đã cũ nát xuống cấp, ông đã đập phá ra và xây dựng lại căn nhà cấp 4 để làm nơi ở và thờ cúng ông bà tổ tiên. Ông không đồng ý với yêu cầu của bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác cho rằng diện tích đất là của ông bà nội ông mà đây là tài sản của bà Nguyễn Thị N mua để sử dụng làm nhà thờ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị C trình bày:

Nguồn gốc căn nhà đất tranh chấp hiện nay mà con trai bà Huỳnh Trung H đang quản lý, sử dụng có từ trước giải phóng là của bà Nguyễn Thị N (em cùng mẹ khác cha của ông nội chồng bà) mua để làm nhà thờ, trước đây bà N cũng đã từng mua nhà để làm nhà thờ họ Huỳnh, giao cho cha chồng bà quản lý, sử dụng nhưng cha chồng bà đã bán tiêu xài. Lần này, bà N sợ cha chồng bà bán nữa nên ngày 08/8/1982 bà N lập tờ di chúc giao nhà đất cho chồng bà quản lý, sử dụng làm nhà thờ họ Huỳnh. Vợ chồng bà ở trong căn nhà này cùng cha, mẹ chồng bà cho đến khi họ qua đời, vợ chồng bà tiếp tục quản lý sử dụng căn nhà này làm nhà thờ. Suốt thời gian quản lý, sử dụng vợ chồng bà không kê khai làm giấy tờ nhà đất, vì đây là nhà thờ chung. Năm 1991, chồng bà chết cũng không để lại di chúc cho ai, con trai lớn của bà là Huỳnh Trung H tiếp tục quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng. Do căn nhà đã cũ nát xuống cấp nên vào tháng 3/2017, ông H đã đập phá ra, xây dựng lại căn nhà cấp 4 làm nơi ở và thờ cúng ông bà tổ tiên. Đất tranh chấp là tài sản của bà Nguyễn Thị N mua để sử dụng làm nhà thờ họ

Huỳnh chứ không phải là của cha mẹ chồng bà tạo lập để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Bà là vợ ông Huỳnh Tiến V4. Nguồn gốc căn nhà và đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị Mai là cô của cha chồng bà vì không có chồng con nên bà Mai mua cho cha chồng bà là ông Huỳnh Ngọc B3 để làm nhà thờ nhưng sợ ông B3 bán nên đưa cho bà Nguyễn Thị N đứng tên và làm tờ di chúc. Cha mẹ chồng bà quản lý, sử dụng sau đó giao lại cho ông Huỳnh Tấn H3 là cha ông H. Sau khi ông H3 chết thì giao lại cho ông H quản lý làm nhà thờ, do căn nhà đã xuống cấp nên ông H đập ra xây nhà mới.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc M trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà, bà yêu cầu chia thừa kế để bà nhận kỷ phần của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc H1 trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà, nay bà yêu cầu chia thừa kế để bà nhận kỷ phần của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc T2 trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà, nay bà yêu cầu chia thừa kế để bà nhận kỷ phần của bà. Năm 2009, khi nghe ông H và bà M2 ly hôn chia nhà, vì muốn nhanh chóng thu hồi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đã nôn nóng thuận theo tờ di chúc của bà Nguyễn Thị N làm căn cứ yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Phạm Thị T6 cũng biết là không phải căn nhà là tài sản của bà N nên mới ủy quyền cho bà để khiếu nại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Ngọc Đ, ông Huỳnh Thái B, ông Huỳnh Thái H2, bà Huỳnh Thị Ngọc T3 trình bày:

Xin nhận kỷ phần của ông Huỳnh Định S1 nếu được chia thừa kế phần đất tranh chấp.

Người làm chứng bà Phạm Thị T6 trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc B3 và bà Nguyễn Thị N là con bà Lê Thị Y1 (ông B3 và bà N là chị em cùng mẹ khác cha). Trước năm 1982, mẹ bà là bà N có mua nhà, đất tại thôn 3, xã P, huyện T. Thời điểm đó, mẹ bà có lập văn bản giao cho ông Huỳnh Tấn H3 là con ông B3 nhà nêu trên để làm nhà thờ hương khói họ Huỳnh. Trong văn bản này có thể hiện chỉ giao nhà cho ông H3 để thờ chứ không được mua bán, sang nhượng. Ngoài ra, trong văn bản này còn thể hiện nếu ông H3 bán căn nhà này thì bà và chị bà là bà Phạm Thị Mỹ L1 sẽ xuất trình văn bản này và lấy lại nhà. Sau này ông H3 chết thì có con trai là Huỳnh Trung H tiếp tục quản lý sử dụng nhà đất tại đây.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện T đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 38/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018, quyết định:

Căn cứ: Khoản 5, khoản 9 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 1, khoản 5 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp đất đai và tranh chấp về thừa kế tài sản” của các bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M, bà Huỳnh Thị Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Ngọc T2 đối với ông Huỳnh Trung H về diện tích 66,1m² đất tọa lạc tại thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Về án phí: Các bà Huỳnh Thị Ngọc L, Huỳnh Thị Ngọc M, Huỳnh Thị Ngọc H1 và Huỳnh Thị Ngọc T2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0013810, ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/11/2018, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận tờ di chúc của bà Nguyễn Thị N là hợp pháp.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận tờ di chúc của bà Nguyễn Thị N là hợp pháp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu xác nhận diện tích đất 6,1 m² tại thôn 3 xã P huyện T tỉnh Bình Thuận là di sản của cha mẹ bà là ông Huỳnh Ngọc B3 , bà Nguyễn Thị V4 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. bà L trình bày 66,1m² đất trên do cha, mẹ bà mua nhưng giấy tờ mua đất do ông H đang giữ. Lời khai này của bà L không được ông H thừa nhận. Bà L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích 66,1 m² có nguồn gốc là của cha mẹ bà vì vậy nguồn gốc đất tranh chấp do ông Huỳnh Ngọc B3 , bà Nguyễn Thị V4 mua như bà L trình bày là không có căn cứ.

[2] Khi ông Huỳnh Trung H và bà Ngô Thị M2 ly hôn, bà M2 yêu cầu chia căn nhà trên diện tích đất 66,1 m² tại thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì bà Phạm Thị T6 và bà Phạm Thị Mỹ L ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Ngọc T2 đi khiếu nại yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Trung H, bà Ngô Thị M2 đối với diện tích đất 66,1m² nêu trên. Bà L và bà T6 chính là hai người con ruột của bà N, vì điều kiện sức khỏe và đường xa nên mới ủy quyền cho cháu là bà Huỳnh Thị Ngọc T2 đi khiếu nại. Bà T2 trình bày, trước đây bà Nguyễn Thị N có mua một căn nhà tại xóm 8, xã P để làm nhà thờ họ Huỳnh; năm 1982 bà N có làm tờ di chúc chọn con thứ của Huỳnh Ngọc B3 là Huỳnh Tấn H3 làm kế tự được ở trông nom hương khói ông bà; năm 1991, ông H3 qua đời, vợ cùng các con của ông H3 tiếp tục ở trong căn nhà trên đến năm 2008 ông Huỳnh Trung H đi đăng ký kê khai làm sổ đỏ đất nhà ở và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và vợ là bà M2. Do đó, bà T2 yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H, bà M2. Nộp kèm theo đơn khiếu nại bà T2 cung cấp di chúc ngày 08/8/1982 của bà N để làm một trong những căn cứ khiếu nại. Điều này cho thấy, bà T2 thừa nhận tờ di chúc ngày 08/8/1982 là đúng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản của bà N như lời trình bày của ông H, bà C, bà Đ1 và bà T6 là có căn cứ.

[3] Vì ông H không thừa nhận đất tranh chấp là của cha, mẹ bà L (tức là ông, bà nội của ông H) mà ông xác định đất là của bà Nguyễn Thị N di chúc cho cha ông được quyền quản lý lo nhang khói dòng họ. Chứng minh cho lời khai của mình, ông H căn cứ vào di chúc do bà N lập ngày 08/8/1982. Trong quá trình khiếu nại yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H, bà M2, bà T2 đại diện cho bà Phạm Thị T6 và bà Phạm Thị Mỹ L1 khai nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị N mua của ông Trọng tại Đơn khiếu nại ngày 02.02.2010 (bút lục số 114) và tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 11.11.2009 (bút lục số 101). Kèm theo đơn khiếu nại bà T2 có nộp tờ di chúc ngày 08.8.1982 của bà N. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông H trả đất và chia thừa kế thì bà cho rằng di chúc của bà N không có thật, nguồn gốc đất là của cha, mẹ bà; vì nôn nóng lấy lại đất nên mới thuận theo di chúc để đi khiếu nại. Xét thấy, bà T2 là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được sự ủy quyền của hai người con bà N là bà Phạm Thị T6 và bà Phạm Thị Mỹ L1 để khiếu nại thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H, bà M2. Trong suốt quá trình đi khiếu nại bà T2 luôn khẳng định là đất của bà N mua từ ông Trọng không phải đất của ông, bà nội ông H để lại theo như ông H kê khai nên bà đề nghị UBND huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Năm 2011, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H, bà M2 và năm 2014 ông H đập bỏ nhà cũ để xây lại nhà mới, bà T2 và các chị em của bà không ai có ý kiến gì. Đến năm 2017, bà Huỳnh Thị Ngọc L mới khởi kiện yêu cầu trả đất và chia thừa kế thì bà T2 lại thống nhất với yêu cầu của bà L và thay đổi lời khai nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và yêu cầu của bà H1, bà M, bà T2 là phù hợp.

[4] Bà Huỳnh Thị Ngọc L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chị em bà không có giấy tờ gì để chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của cha, mẹ bà là không đúng. Bà L trình bày và có gửi kèm Đơn kháng cáo bổ sung gồm: 01 bản photo Giấy cam đoan nguồn gốc ngôi nhà; Đơn xin Hủy bỏ về việc lập biên bản trong cuộc họp hòa giải; Đơn giải trình về việc biên bản xác minh nguồn gốc đất và nhà ở ngày 14/8/2018; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị hủy bỏ tờ di chúc không ngày 15/10/2018, tất cả những văn bản này là chứng cứ chứng minh căn nhà là của cha, mẹ bà. Xét thấy, Giấy cam đoan nguồn gốc ngôi nhà (bút lục số 233) là tự ý do ông H kê khai sai nguồn gốc, văn bản này dựa trên biên bản họp gia đình ngày 18/2/1995 cũng do bà C và các con tự họp với nhau; bà T2 cho rằng bà C, ông H cùng các con còn lại của bà C tự ý họp gia đình giao nhà cho ông H không thông qua ý kiến của những người thừa kế là không đúng. Đây cũng là lập luận trong đơn khiếu nại bà T2 căn cứ đề yêu cầu bà M2 giao trả lại căn nhà cho bà Phạm Thị T6 và bà Phạm Thị Mỹ L1 là con của bà N (bút lục số 114); Đơn xin Hủy bỏ ngày 14/9/2018 (bút lục số 235) và Đơn đề nghị hủy bỏ tờ di chúc không ngày 15/10/2018 (bút lục số 234) là văn bản trình bày của bà T2, bà M, là ý chí cá nhân hai bà chứ không phải chứng cứ khách quan để chứng minh nguồn gốc đất của cha, mẹ hai bà; trong hai Đơn này cũng không có chữ ký của hai bà là người làm đơn; Đơn giải trình ngày 14/8/2018 (bút lục số 138) cũng là văn bản thể hiện ý chí của cá nhân bà T2, nội dung đơn thể hiện bà đã thuận theo tờ di chúc để đi kiện vì sự nóng nực nhưng thời gian đi kiện để thu hồi được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là từ năm 2009 đến năm 2011, đây không phải khoảng thời gian ngắn để bà không kịp suy nghĩ mà trình bày như trên. Ngoài ra, bà cho rằng vì bà Phạm Thị T6 biết đất không phải của mẹ bà nên mới ủy quyền cho bà đi kiện; điều này không phù hợp vì kèm theo đơn khởi kiện là tờ di chúc của mẹ bà T6, việc bà T2 có nhận ủy quyền đi kiện bà T6 hay không thì không thể chứng minh được đất là của cha, mẹ bà. Kèm theo đơn khởi kiện bà L có nộp Đơn xin xác nhận ngày 21/2/2017 về việc xin cấp chính quyền xác nhận cha, mẹ bà có mua nhà với đất, gia đình bà đã làm thất lạc giấy sang nhượng mua nhà và đất ở, văn bản này có chữ ký của bà T2 và ông Cẩn nhưng không có giá trị vì không có xác nhận của UBND xã P và không có căn cứ chứng minh chữ ký trong Đơn đúng là của ông Cẩn. Do đó, những văn bản bà L đưa ra không được xem là chứng cứ chứng minh theo nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng.

Với nhận định nêu trên, kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc L không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Do Bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, bà L không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc L; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận:

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp đất đai và tranh chấp về thừa kế tài sản” của các bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M, bà Huỳnh Thị Ngọc H1 và bà Huỳnh Thị Ngọc T2 đối với ông Huỳnh Trung H về diện tích 66,1m² đất tọa lạc tại thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Về án phí:

- Các bà Huỳnh Thị Ngọc L, Huỳnh Thị Ngọc M, Huỳnh Thị Ngọc H1 và Huỳnh Thị Ngọc T2 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0013810, ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số 0019669 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 06/8/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TA (02 bản), THA cấp huyện;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP - Tòa án tỉnh;
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thiên Hương